

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 201/2022/DS-PT
Ngày 26/12/2022
“*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Thẩm phán: Bà Tôn Thị Thanh Thúy.

Ông Nguyễn Vĩnh Khương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Trung An, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Mỹ Liên, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 187/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022, về “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 17 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 233/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn D, sinh năm 1951, địa chỉ: Ấp ĐT, xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim X, sinh năm 1955, địa chỉ: Khu dân cư Minh Châu, khóm 1, phường 7, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:* Ông Võ Tuấn H, địa chỉ: Đường PCT, khóm 3, phường 1, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị Kim X là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/01/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Văn D trình bày:

Ông và chồng của bà X là bạn bè với nhau, vào ngày 22/8/2011, bà Lê Thị Kim X có vay của ông D số tiền 50.000.000 đồng để bà hoàn thành công trình cất nhà kho. Ông không có tiền nên bà X nhờ ông vay nóng của người khác

1.000.000 đồng, lãi 5.000 đồng/ngày, thỏa thuận vài ngày sẽ trả tiền lại cho ông D. Việc cho vay có làm biên nhận ngày 22/8/2011, biên nhận do ông viết bà X ký tên, hiện nay tờ biên nhận ông vẫn còn giữ, trong biên nhận không có thỏa thuận lãi, nhưng các bên có thỏa thuận miệng 1.000.000 đồng, lãi 5.000 đồng/ngày, kể từ ngày làm biên nhận đến nay bà X chỉ đóng lãi được 20 ngày (khoảng ngày 12/9/2011 đóng số tiền 10.000.000 đồng). Từ đó đến nay không có trả thêm tiền lãi cho ông và không có trả tiền gốc được số tiền nào. Ông nhiều lần đến nhà bà X yêu cầu bà X trả nợ cho ông, nhưng bà X cứ hẹn lần hẹn lượt, hẹn khi nào bán được nhà đất sẽ trả cho ông nhưng sau khi bán được nhà đất bà X cũng không trả nợ cho ông. Vào khoảng tháng 01/2022 ông có đến nhà bà X yêu cầu bà X trả nợ nhưng không gặp được bà X, ông có yêu cầu hòa giải cơ sở nhiều lần bà X cũng không đến. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà X trả lại cho ông số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi 75.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 26/8/2011 đến ngày 26/01/2022 (50.000.000 đồng x 125 tháng x 1,2%/tháng = 75.000.000 đồng). Tổng cộng: 125.000.000 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bà Lê Thị Kim X hoàn trả số tiền lãi 75.000.000 đồng, chỉ yêu cầu bà X trả cho ông số tiền vốn 50.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Tuấn Huân trình bày:

Bà X thừa nhận vào ngày 22/8/2011 có vay của ông D số tiền 50.000.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả, không có thỏa thuận lãi, việc vay tiền có làm biên nhận như ông D trình bày là đúng. Sau khi vay tiền vài tháng bà X đã trả đủ số tiền gốc cho ông D, khi trả tiền thì có thể hiện việc trả tiền phía dưới tờ biên nhận ghi là đã trả đủ số tiền gốc 50.000.000 đồng, bà X không nhớ là ông D hay bà X ghi vào tờ biên nhận và cũng không nhớ là có ký tên vào biên nhận về việc trả tiền hay không, việc bà X trả tiền cho ông D không có ai chứng kiến, bà X không nhớ là có lấy lại tờ biên nhận hay không, cũng không nhớ là có đóng lãi cho ông D hay không, chỉ nhớ là đã trả đủ tiền gốc cho ông D rồi. Ông D trình bày nhiều lần đến nhà bà X đòi tiền là không đúng. Khi ông D yêu cầu hòa giải cơ sở bà X có biết sự việc nhưng vì bà bị bệnh, thường xuyên đi điều trị bệnh, đồng thời bà nghĩ rằng bà đã trả nợ cho ông D rồi nên không đến tham dự hòa giải ở cơ sở. Vì vậy, bà X không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu và bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện bị đơn trình bày: Việc cho vay trong biên nhận không có thỏa thuận lãi, nhưng các bên có thỏa thuận bằng lời nói lãi suất như ông D trình bày, sau khi vay bà X đóng lãi cho ông D được số tiền 2.000.000 đồng, đóng lãi đến ngày 29/8/11 và đến ngày 01/11/11 đã trả đủ số tiền vốn 50.000.000 đồng và tiền lãi còn lại từ ngày 30/8/11 đến ngày 01/11/11 là 63 ngày x 5 x 50 x 63 = 15.750.000 đồng, tổng cộng: 65.750.000 đồng, việc trả vốn và lãi đã được ông D ghi vào tờ biên nhận do Duẩn giữ, nhưng vì tin tưởng ông D nên bà X không có ký tên vào biên nhận.

Ngoài ra, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án được xác định là “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” thời điểm vay mượn tài sản xảy ra từ ngày 22/8/2011 đến thời điểm nguyên đơn khởi kiện đã 11 năm, bà X yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự 2015 “*Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm*” để đình chỉ xét xử vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 57/2022/DS-ST ngày 17/8/2022, Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định:

“Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về việc yêu cầu bà Lê Thị Kim X hoàn trả số tiền lãi 75.000.000 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn D. Buộc bị đơn Lê Thị Kim X có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn D số tiền: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.”

Ngoài ra, trong bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 31/8/2022, bà Lê Thị Kim X có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D, bởi vì bà X đã trả cho ông D số tiền vốn vay 50.000.000 đồng vào ngày 01/11/2011, nội dung này ông D có ghi phía dưới của tờ biên nhận.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên đơn kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến: Về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Kim X giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thời hiệu khởi kiện vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại tiền vốn vay 50.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi, vì vậy cấp sơ thẩm căn cứ theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 155 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ.

[2] Ông Trần Văn D và bà Lê Thị Kim X thống nhất xác nhận: Các bên có giao kết hợp đồng vay tài sản, bằng hình thức lập tờ biên nhận đề ngày 22/8/2011, chữ ký đề tên “*Lê Thị Kim X*” trong tờ biên nhận là của bà X, nội dung tờ biên nhận thể hiện bà X có nhận của ông D số tiền 50.000.000 đồng; ngoài ra các bên còn thừa nhận là: Có thỏa thuận bằng lời nói về tiền lãi là 1.000.000 đồng = 5.000 đồng/ngày. Đây là các tình tiết các bên đương sự thừa nhận không phải chứng minh theo quy định khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Ông D trình bày sau khi vay thì bà X chỉ đóng lãi được 20 ngày thì ngưng và không có trả vốn gốc cho đến nay, vì vậy ông khởi kiện yêu cầu bà X trả tiền vốn vay 50.000.000 đồng và đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu. Nay bà Lê Thị Kim X kháng cáo cho rằng bà đã trả cho ông D số tiền vốn vay 50.000.000 đồng vào ngày 01/11/2011, chứng cứ chứng minh là ông D có ghi nội dung trả tiền vốn và tiền lãi phía dưới của tờ biên nhận vay tiền lập ngày 22/8/2011.

[4]. Tại tờ biên nhận lập ngày 22/8/2011, ngoài nội dung giao dịch vay tiền giữa ông D với bà X, còn có các nội dung khác như:

“*đóng lãi 7 ngày tới 29/8/2011*

$$5 \times 50 \times 8 = 2.000.000 \text{ đ}$$

* *trả cho Luận 10.000.000 đồng ngày 29/9/11*

....

* *ngày 01/11/11: trả vốn 50.000.000 đồng*

tiền lãi 50.000.000 là 63 ngày =

$$5 \times 50 \times 63 = 15.750.000 \text{ đồng}$$

cộng với vốn 50.000.000 + 15.750.000

phải vay lại là 65.750.000 đ ngày 01/11/11

$$17^n \times 66^T X 0,5 = 5.610.000 \text{ đ}$$

66.000.000đ

71. 610.000 đ”.

Ông D trình bày trong tờ biên nhận vay tiền ngày 22/8/2011 lập với bà X, thì ông còn ghi các khoản vay tiền của người khác để theo dõi như “*Trả cho Luận 10.000.000 đồng ngày 29/9/11*” nhưng thời gian lâu quá ông không nhớ cụ

thể từng nội dung. Bà X cho rằng đã trả tiền vốn và lãi cho ông D vào ngày 01/11/2011 được thể hiện tại phần cuối của biên nhận là:

“ ngày 01/11/11: trả vốn 50.000.000 đồng*

tiền lãi 50.000.000 là 63 ngày =

5 x 50 x 63 = 15.750.000 đồng

cộng với vốn 50.000.000 + 15.750.000

phải vay lại là 65.750.000 đ ngày 01/11/11”

[5] Hội đồng xét xử nhận thấy nội dung nêu trên chưa rõ ràng, cụ thể như: Nội dung giao dịch vay tiền, trả tiền là của khoản vay nào? Chưa thể hiện được những người xác lập giao dịch này là ai? Người nào trả tiền và người nhận tiền là ai? Vì trong tờ biên nhận không phải chỉ ghi nội dung vay của bà X, mà ông D còn ghi các khoản tiền mà ông D vay lại của người khác. Theo bà X thì đây là nội dung thể hiện bà đã trả xong tiền vốn và tiền lãi cho ông D vào ngày 01/11/2011, nhưng lý do vì sao lại trong nội dung này có câu kết *“phải vay lại là 65.750.000 đ ngày 01/11/11”* nghĩa là các bên chưa kết thúc giao dịch. Ngoài ra, cấp sơ thẩm căn cứ vào lời khai của người làm chứng ông Trương Phấn Khởi là: Ông có cùng với ông D đến nhà bà X đòi tiền là khoảng năm 2013 hay 2014, tức là sau thời điểm mà bà X cho rằng đã trả đủ tiền vốn vay 50.000.000 đồng cho ông D, từ đó không chấp nhận lời trình bày của bà X là có cơ sở.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bà Lê Thị Kim X, chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Các nội dung khác trong quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim X là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 155; Điều 166 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Kim X, giữ nguyên bản án sơ thẩm 57/2022/DS-ST ngày 17/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng:

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D về việc yêu cầu bà Lê Thị Kim X hoàn trả số tiền lãi 75.000.000 đồng (bảy mươi lăm triệu đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Văn D: Buộc bị đơn Lê Thị Kim X có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn D số tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Văn D không phải chịu.

Bị đơn bà Lê Thị Kim X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bà X là người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Kim X được miễn nộp tiền án phí phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND TP Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Quang Nhuận